

Số: 8068/HD-NHCS

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

## HƯỚNG DẪN

### **Nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán**

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;*

*Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán như sau:*

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1.1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán để hỗ trợ trang trải học phí, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán quy định tại văn bản này bao gồm các ngành, lĩnh vực đào tạo cụ thể sau: khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, kiến trúc và xây dựng, sản xuất và chế biến, toán và thống kê, công nghệ tài chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan; các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật.

##### **1.2. Đối tượng áp dụng**

a) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH.

b) Khách hàng vay vốn là hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại hướng dẫn này.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **2. Đối tượng và điều kiện vay vốn**

### **2.1. Đối tượng vay vốn bao gồm**

Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo quy định tại văn bản này tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là người học).

### **2.2. Điều kiện vay vốn**

a) Học sinh, sinh viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật và đáp ứng điều kiện sau tại thời điểm NHCSXH xem xét, quyết định phê duyệt cho vay vốn:

- Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất: Có đồng thời cả ba năm học trung học phổ thông được đánh giá kết quả học tập đạt từ mức khá trở lên theo quy định của pháp luật; hoặc đạt điểm trung bình môn năm lớp 12 của các môn toán, vật lý, hóa học, sinh học từ 8 điểm trở lên.

- Đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi: Có kết quả học tập trung bình các môn học đạt loại giỏi trở lên theo quy định của pháp luật tại năm trước liền kề với năm đề nghị NHCSXH cho vay vốn.

b) Học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh được các cơ sở giáo dục đại học công nhận là học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo quy định của pháp luật.

c) Tại thời điểm đề nghị NHCSXH cho vay vốn, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I đính kèm Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg, xin xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho NHCSXH.

d) Hằng năm, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II đính kèm Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg, xin xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cung cấp cho NHCSXH làm căn cứ để giải ngân vốn vay (sau đây gọi là Tờ khai thông tin hằng năm).

## **3. Nguyên tắc vay vốn**

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích.

3.2. Khách hàng vay vốn phải hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

## **4. Phương thức cho vay**

4.1. Thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người học là người đứng tên vay vốn và giao dịch với NHCSXH.

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

4.2. Trường hợp hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, người học trực tiếp đứng tên vay vốn tại NHCSXH. NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi nhà trường đóng trụ sở hoặc nơi cư trú của khách hàng.

## **5. Mục đích sử dụng vốn vay**

Khách hàng vay vốn để trang trải học phí, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán quy định tại văn bản này.

## **6. Mức vốn cho vay**

6.1 Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

a) Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường.

b) Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

6.2. Căn cứ quy định tại điểm 6.1 khoản này, NHCSXH thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

## **7. Lãi suất cho vay**

7.1. Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

7.2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

## **8. Đồng tiền cho vay và trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

## **9. Thời hạn cho vay**

9.1. Thời hạn cho vay bao gồm: thời hạn giải ngân vốn vay, thời gian kể từ ngày người học kết thúc khóa học đến khi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và thời hạn trả nợ.

9.2. Thời hạn giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày người học kết thúc khóa học, kể cả thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có).

9.3. Thời hạn trả nợ do NHCSXH quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do NHCSXH quyết định.

9.4. Đối với học sinh, sinh viên đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ công an nhân dân trong thời gian đang theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì được tạm hoãn trả nợ và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ theo quy định hiện hành.

## **10. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay**

10.1. Khách hàng vay vốn đến 500 triệu đồng/người học thì không phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay.

10.2. Khách hàng vay vốn trên 500 triệu đồng/người học thì phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH. Chi phí do khách hàng chi trả.

## **11. Hồ sơ vay vốn**

11.1. Đối với phương thức cho vay thông qua hộ gia đình

a) Hồ sơ do khách hàng vay vốn lập và cung cấp

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).
- Giấy ủy quyền mẫu số 01/UQ và mẫu số 03/UQ (nếu có) đối với khách hàng vay vốn theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4 văn bản này.

- Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I đính kèm Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg tại thời điểm đề nghị NHCSXH cho vay vốn.

- Tờ khai thông tin hàng năm quy định tại Phụ lục II, khách hàng cung cấp hàng năm để làm căn cứ giải ngân vốn vay trong năm học tiếp theo.

- Giấy tờ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 07/STEM).

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD và mẫu số 10A/TD – nếu có).

- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 03/STEM) đối với trường hợp khách hàng vay vốn phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

- Hồ sơ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM), trường hợp khách hàng vay cho 02 người học trở lên thì lập riêng Hợp đồng tín dụng cho từng người học.

- Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung.

- Hồ sơ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Giấy nhận nợ (mẫu số 05/STEM) áp dụng đối với trường hợp giải ngân từ lần thứ 2 trở đi tại Điểm giao dịch. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ủy quyền bằng văn bản cho Tổ trưởng giao dịch ký xác nhận của ngân hàng trên Giấy nhận nợ (mẫu số 05/STEM).

11.2. Đối với phương thức cho vay trực tiếp.

a) Hồ sơ do người vay vốn lập và cung cấp

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) có xác nhận hoặc kèm văn bản xác nhận của UBND cấp xã về việc xác nhận tình trạng nhân thân trong hộ gia đình (hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật).

- Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I đính kèm Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg, khách hàng vay vốn cung cấp tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I một lần tại thời điểm đề nghị NHCSXH cho vay vốn.

- Tờ khai thông tin hằng năm quy định tại Phụ lục II, khách hàng cung cấp hằng năm để làm căn cứ giải ngân vốn vay trong năm học tiếp theo.

- Giấy tờ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 07/STEM).

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 03/STEM) đối với trường hợp khách hàng vay vốn phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

- Hồ sơ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/STEM).

c) Hồ sơ do NHCSXH và người vay vốn lập

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM).

- Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung.

- Hồ sơ liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay (nếu có).

11.3. Hồ sơ tạm hoãn trả nợ và không tính lãi suất đối với học sinh, sinh viên tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân trong thời gian đang theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp.

- Lệnh gọi nhập ngũ (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

- Quyết định xuất ngũ hoặc Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp/công an chuyên nghiệp hoặc Quyết định phong hàm sĩ quan quân đội/công an (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

## **12. Quy trình, thủ tục cho vay**

### **12.1. Đối với phương thức cho vay thông qua hộ gia đình**

#### **a) Khách hàng vay vốn**

Khách hàng vay vốn nộp đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn nêu tại tiết a điểm 11.1. khoản 11 văn bản này và gửi Tổ TK&VV nơi khách hàng vay vốn đang cư trú hợp pháp.

#### **b) Tại Tổ TK&VV**

- Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay theo quy định hiện hành. Trường hợp khách hàng vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

- Lập danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD và 10A/TD - nếu có) trình UBND cấp xã xác nhận.

- Gửi hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi cho vay sau khi có xác nhận của UBND cấp xã.

#### **c) Tại UBND cấp xã**

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi tới, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

#### **d) Tại NHCSXH nơi cho vay**

- Trường hợp khách hàng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay (mức cho vay đến 500 triệu đồng/người học)

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn. Sau đó, cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng

Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM)/Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung.

+ NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc Điểm giao dịch làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

- Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay (mức cho vay trên 500 triệu đồng/người học)

+ Khi nhận được hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, NHCSXH nơi cho vay thông báo cho khách hàng theo mẫu số 03/STEM. Cán bộ tín dụng được phân công thực hiện đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn và thực hiện quy trình, thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của NHCSXH.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM)/Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung; cùng Bên thế chấp lập Hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

## **12.2. Đối với phương thức cho vay trực tiếp**

### **a) Khách hàng vay vốn**

Khách hàng vay vốn nộp hồ sơ quy định tại tiết a điểm 11.2 khoản 11 văn bản này gửi NHCSXH nơi nhà trường đóng trụ sở hoặc nơi cư trú của khách hàng.

### **b) Tại NHCSXH nơi cho vay**

- Trường hợp khách hàng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay (mức cho vay đến 500 triệu đồng/người học)

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn. Sau đó, cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM)/Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung.

+ NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/STEM) cho khách hàng đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhận tiền vay hoặc thông báo bằng văn bản tới khách hàng vay vốn đối với trường hợp từ chối cho vay (nêu rõ lý do từ chối).

- Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay (mức cho vay trên 500 triệu đồng/người học)

+ Khi nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi cho vay thông báo cho khách hàng theo mẫu số 03/STEM. Cán bộ tín dụng được phân công thực hiện đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn và thực hiện quy trình, thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định hiện hành của NHCSXH.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM)/Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) áp dụng đối với trường hợp cho vay bổ sung; NHCSXH nơi cho vay cùng Bên thế chấp lập Hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

+ NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/STEM) cho khách hàng đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhận tiền vay hoặc thông báo bằng văn bản tới khách hàng vay vốn đối với trường hợp từ chối cho vay (nêu rõ lý do từ chối).

12.3. Trường hợp năm học tiếp theo có sự thay đổi về chi phí học tập làm tổng nhu cầu vay vốn lớn hơn số tiền cho vay đã được phê duyệt ban đầu, nếu khách hàng vay vốn có nhu cầu điều chỉnh tăng mức vay cho vay thì lập giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD), ghi rõ mục đích vay vốn tại mục “để thực hiện phương án: bổ sung mức vay theo giấy đề nghị vay vốn ngày ...../...../..... do thay đổi chi phí học tập”. Hồ sơ, Quy trình thủ tục cho vay thực hiện theo khoản 11 và khoản 12 hướng dẫn này.

Lưu ý như sau:

- Trường hợp khách hàng đề nghị tăng mức vay đến mức phải thực hiện bảo đảm tiền vay thì khách hàng vay vốn phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.



- NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM).

### **13. Giải ngân**

13.1. Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện một năm một lần hoặc nhiều lần vào các kỳ học của cùng một năm học, NHCSXH nơi cho vay xác định số tiền giải ngân tối đa của năm học căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và Tờ khai thông tin theo quy định.

- Đối với giải ngân lần đầu: Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I đính kèm Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg.

- Đối với các năm học tiếp theo: Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 07/STEM) và Tờ khai thông tin hằng năm.

13.2. Khách hàng vay vốn ký xác nhận tại phần theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ trên Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM) tại thời điểm giải ngân lần đầu. Các lần giải ngân tiếp theo:

- Trường hợp khách hàng nhận tiền vay tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay: khách hàng vay vốn tiếp tục ký xác nhận tại phần theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ trên Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM). NHCSXH nơi cho vay không phải lập Giấy nhận nợ (mẫu số 05/STEM).

- Trường hợp khách hàng nhận tiền vay tại Điểm giao dịch: khách hàng ký Giấy nhận nợ (mẫu số 05/STEM) để xác nhận số tiền được giải ngân.

13.3. Đối với mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay, trước khi thực hiện thủ tục giải ngân theo quy định, NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhập kho bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định; Hợp đồng thế chấp tài sản; Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm (nếu có); giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp.

Toàn bộ giấy tờ, tài liệu liên quan đến tài sản thế chấp được lưu thành túi riêng và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho theo quy định của NHCSXH.

13.4. NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho người vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng.

13.5. NHCSXH nơi cho vay không giải ngân vốn vay trong thời gian người học tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an hoặc được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập hoặc người học không còn học ngành học thuộc các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

### **14. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, thu nợ gốc, thu lãi, miễn lãi**

14.1. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

a) Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/lần. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên.

- Mức trả nợ mỗi kỳ do NHCSXH nơi cho vay quyết định.

- Việc định kỳ hạn trả nợ được NHCSXH nơi cho vay và khách hàng vay vốn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (mẫu số 01/STEM) tại thời điểm NHCSXH nơi cho vay và khách hàng ký Hợp đồng tín dụng hoặc thay đổi bổ sung (nếu có).

b) Kỳ hạn trả lãi: Định kỳ trả lãi theo tháng.

#### 14.2. Xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ

- Khi khách hàng nhận khoản vay cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ mỗi kỳ trong các trường hợp sau:

+ Có thay đổi thời gian giải ngân vốn vay (người học kết thúc khóa học sớm hơn dự kiến ban đầu hoặc được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập) hoặc mức vay có sự thay đổi hoặc khách hàng không nhận hết số tiền vay được phê duyệt.

+ Học sinh, sinh viên đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân trong thời gian theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì số tiền đã nhận nợ trước khi tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân được tạm hoãn trả nợ trong thời gian phục vụ tại ngũ của học sinh, sinh viên.

- Căn cứ trường hợp cụ thể NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn thỏa thuận lập Phụ lục hợp đồng tín dụng (mẫu số 02/STEM) để xác định lại thời hạn cho vay, hạn trả nợ cuối cùng, thời gian và số tiền trả nợ của từng kỳ hạn.

- Trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày người học kết thúc khóa học khách hàng không đến thỏa thuận cùng NHCSXH nơi cho vay để định lại lịch trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện xác định lại thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ mỗi kỳ theo quy định tại khoản 9 văn bản này và gửi thông báo cho khách hàng vay vốn (mẫu số 08/STEM).

#### 14.3. Thu nợ gốc, thu lãi

a) NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ theo kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng hoặc theo thông báo của NHCSXH. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

b) Lãi tiền vay được tính kể từ ngày khách hàng vay vốn nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Trong thời hạn giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi tiền vay. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học

12 tháng theo quy định, khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên.

c) Trường hợp khách hàng có nhu cầu trả lãi theo định kỳ tháng trong thời hạn giải ngân vốn vay thì NHCSXH thực hiện thu theo yêu cầu của khách hàng.

#### 14.4. Miễn lãi

a) Học sinh, sinh viên đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân trong thời gian theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì số tiền đã nhận nợ trước khi tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của học sinh, sinh viên.

b) NHCSXH nơi cho vay xác định thời gian phục vụ tại ngũ căn cứ vào ngày nhập ngũ ghi trên Lệnh gọi nhập ngũ và ngày có hiệu lực của Quyết định xuất ngũ hoặc Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp/công an chuyên nghiệp hoặc Quyết định phong hàm sĩ quan quân đội/công an.

### 15. Kiểm tra sau cho vay

#### 15.1. Đối với phương thức cho vay thông qua hộ gia đình

Thực hiện theo các quy định về quy trình, phương pháp kiểm tra giám sát hoạt động nhận ủy thác cho vay. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

#### 15.2. Đối với cho vay trực tiếp.

Mỗi lần giải ngân, tối đa 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD). NHCSXH nơi cho vay có trách nhiệm kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay theo quy định.

### 16. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

#### 16.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Trường hợp khách hàng chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục Hợp đồng tín dụng, trước 05 ngày đến hạn trả nợ khách hàng phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 06/STEM) gửi NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ trả nợ tiếp theo.

#### 16.2. Gia hạn nợ

a) Trường hợp khách hàng vay vốn không trả được nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và có văn bản đề nghị gia hạn nợ, NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

b) Quy trình, thủ tục gia hạn nợ được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

### 16.3. Chuyển nợ quá hạn

a) NHCSXH chuyển nợ quá hạn và gửi thông báo chuyển nợ quá hạn đến khách hàng (mẫu số 14/TD hoặc mẫu 14/STEM) trong các trường hợp.

- Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng thì chuyển chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc sử dụng không đúng mục đích.

- Khách hàng vay vốn không trả nợ gốc đúng hạn theo thỏa thuận và không được NHCSXH nơi cho vay chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc hoặc gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số nợ gốc không trả được đúng hạn sang nợ quá hạn.

b) Sau khi chuyển nợ quá hạn NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định.

## 17. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

## 18. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

## 19. Chế độ báo cáo thống kê

19.1. Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

19.2. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Hội sở chính NHCSXH (Ban Kế hoạch Nguồn vốn) gửi Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 15 Quyết định 29/2025/QĐ-TTg.

## 20. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

20.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH, phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác các cấp triển khai thực hiện Quyết định 29/2025/QĐ-TTg, các văn bản có liên quan và nội dung hướng dẫn theo văn bản này.

20.2. Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH theo quy định của pháp luật để cho vay theo quy định.

20.3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung văn bản này đến đối tượng thụ hưởng, cán bộ NHCSXH, Tổ TK&VV, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cán bộ UBND cấp xã.

20.4. Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, đủ điều kiện, đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch; định kỳ hằng năm chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan liên quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc vay vốn và khả năng thu hồi vốn vay.

20.5. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện cho vay theo quy định tại văn bản này để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, những vấn đề rủi ro có thể phát sinh để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

## **21. Hiệu lực thi hành**

21.1. Trường hợp người học đồng thời thuộc đối tượng vay vốn và đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định tại Quyết định 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) thì được lựa chọn áp dụng một trong hai cơ chế vay vốn theo nhu cầu.

21.2. Đối với khách hàng đang trong thời gian phát tiền vay theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, nếu thuộc đối tượng, đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo Quyết định 29/2025/QĐ-TTg thì được chuyển sang áp dụng cơ chế cho vay theo hướng dẫn tại văn bản này trong thời gian học còn lại mà không phải trả trước hạn khoản nợ vay theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg. NHCSXH thực hiện quy trình cho vay theo hướng dẫn tại văn bản này.

Đối với dư nợ cho vay theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo dõi, quản lý dư nợ, đôn đốc thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc.

21.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

21.4. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định.

21.5. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Hội LHPN, CCB, HND, ĐTN (*để p/hợp*);
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Trường BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

(*để b/cáo*)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Vương Văn Minh**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG<sup>1</sup>**

Số: ...../20...../HĐTĐ

*Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;*

*Căn cứ văn bản số 8068/HD-NHCS ngày 28/8/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán;*

*Căn cứ hồ sơ vay vốn của .....,*

*Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm ....., tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ....., chúng tôi gồm:*

**I. Bên cho vay**

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại: .....
- Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- (Theo văn bản ủy quyền số.....ngày .....của.....)*

**II. Bên vay**

**1. Họ và tên người vay:** .....

- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước /Hộ chiếu số:.....
- Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Địa chỉ hiện tại:.....
- Điện thoại liên hệ:.....
- Tài khoản thanh toán số: ..... tại .....
- (Theo Giấy ủy quyền số.....ngày .....)*

**2. Thông tin người học:**

---

<sup>1</sup> Hợp đồng tín dụng được đánh máy và in, Trưởng phòng KHNVTĐ hoặc Tổ trưởng KHNV ký nháy từng trang

- Họ và tên người học:.....
- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước /Hộ chiếu số:.....
- Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Tên cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....
- Hệ đào tạo:.....
- Ngành, lĩnh vực đào tạo: .....
- Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm): ...../.....
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

**Điều 1.** Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để hỗ trợ trang trải chi phí học tập, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Các lần giải ngân tiếp theo (nếu có), kể từ lần vay đầu tiên, trường hợp có sự thay đổi về chi phí học tập làm tổng nhu cầu vay vốn lớn hơn số tiền cho vay đã được phê duyệt ban đầu, nếu Bên vay có nhu cầu điều chỉnh tăng mức vay và được Bên cho vay đồng ý thì Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng để xác định số tiền giải ngân từng lần và tổng số tiền vay.

**Điều 2. Nội dung cho vay**

1. Số tiền cho vay (bằng số): .....đồng.  
(*Bằng chữ*.....).

2. Mục đích vay: Bên vay vay vốn cho người học tại điểm 2 mục II Hợp đồng này để trang trải học phí, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn cho vay: ..... tháng, bắt đầu từ ngày...../...../.....; hạn trả nợ cuối cùng ngày ...../...../.....

4. Lãi suất:

a) Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

c) Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và được tính trên số dư nợ thực tế.

5. Kỳ hạn trả lãi: Lãi tiền vay được Bên cho vay thu hàng tháng. Trong thời hạn giải ngân vốn vay, Bên vay chưa phải trả nợ lãi tiền vay. Trường hợp Bên vay



có nhu cầu trả lãi theo định kỳ tháng trong thời hạn giải ngân vốn vay thì Bên cho vay thực hiện thu theo yêu cầu của Bên vay.

6. Kỳ hạn trả nợ gốc 12 tháng/lần. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, Bên vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Dự kiến kỳ hạn trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

7. Bên cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định hiện hành của Bên cho vay. Bên vay có thể trả nợ trước hạn.

### **Điều 3. Giải ngân tiền vay**

1. Việc giải ngân được thực hiện một năm một lần hoặc nhiều lần vào các kỳ học của cùng một năm học căn cứ vào nhu cầu của Bên vay dựa trên Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I (đối với giải ngân lần đầu) hoặc Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 07/STEM) và Tờ khai thông tin hằng năm (đối với các năm tiếp theo).

Dự kiến kế hoạch giải ngân như sau:

- Năm học.....:
- + Lần 1: Ngày...../...../..... số tiền..... đồng;
- + Lần 2: Ngày...../...../..... số tiền..... đồng;

.....

- Năm học.....:

.....

.....

2. Đối với mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay<sup>2</sup>: Tiền vay chỉ được giải ngân sau khi Bên vay đã thực hiện gửi cho Bên cho vay bản gốc giấy tờ về tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

3. Đối với các năm học tiếp theo, tiền vay chỉ được giải ngân sau khi Bên vay đã thực hiện gửi cho Bên cho vay bản gốc/bản chính:

- Tờ khai thông tin hằng năm;
- Giấy đề nghị giải ngân.

<sup>2</sup> Áp dụng đối với mức vay vốn trên 500 triệu đồng/người học. Trường hợp không có, NHCSXH nơi cho vay tự điều chỉnh cắt bỏ nội dung này cho phù hợp.

4. Bên cho vay giải ngân bằng hình thức chi tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của cho Bên vay<sup>3</sup>:

- Tên chủ tài khoản thụ hưởng:.....

- Số tài khoản:.....

- Mở tại:.....

#### **Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

##### 1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay gặp khó khăn chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ, Bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

##### 2. Gia hạn nợ

Trường hợp Bên vay không trả được nợ đúng hạn **theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và có văn bản đề nghị gia hạn nợ**, trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

##### 3. Chuyển nợ quá hạn

- Trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay/Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đôn đốc thu hồi, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Bên vay không trả nợ gốc đúng hạn theo thỏa thuận và không được Bên cho vay chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc hoặc gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển số nợ gốc không trả được đúng hạn sang nợ quá hạn.

#### **Điều 5. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay**

1. Bên vay cam kết bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng này.

2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên cho vay với Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: (i) các Hợp đồng thế chấp tài sản; và (ii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay**

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.

<sup>3</sup> Trường hợp Bên vay có nhu cầu giải ngân vào nhiều tài khoản thụ hưởng khác nhau, thì liệt kê đầy đủ các tài khoản thụ hưởng đó trong hợp đồng này.

2. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.

3. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này.

4. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, quá hạn, thu lãi.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay**

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận, cam kết và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này.

3. Trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho Bên cho vay. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để trả nợ Bên cho vay.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

#### **Điều 8. Xử lý vi phạm**

1. Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ghi nhận tại Biên bản kiểm tra thì Bên cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản.

b) Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ Bên cho vay.

c) Bên vay cố tình trốn tránh, chây ì trả nợ theo thỏa thuận.

d) Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận.

đ) Bên vay có vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

### **Điều 10. Thỏa thuận khác**

Hai bên thống nhất thực hiện xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ trong các trường hợp sau:

- Có thay đổi thời gian giải ngân vốn vay (người học kết thúc khóa học sớm hơn dự kiến ban đầu hoặc được nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập) hoặc mức vay có sự thay đổi hoặc Bên vay không nhận hết số tiền vay được phê duyệt.

- Học sinh, sinh viên đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân trong thời gian theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì số tiền đã nhận nợ trước khi tham gia nghĩa vụ quân sự/nghĩa vụ công an nhân dân được kéo dài thời hạn trả nợ tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của học sinh, sinh viên.

Căn cứ các trường hợp cụ thể, Bên cho vay cùng Bên vay thỏa xác định lại thời hạn cho vay, hạn trả nợ cuối cùng, thời gian và số tiền trả nợ của từng kỳ hạn, Bên cho vay cùng Bên vay lập Phụ lục hợp đồng tín dụng.

Trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày người học kết thúc khóa học bên vay không đến thỏa thuận cùng Bên cho vay để định lại lịch trả nợ thì Bên cho vay thực hiện xác định lại thời hạn vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ mỗi kỳ và gửi thông báo cho Bên vay.

### **Điều 11. Cam kết chung**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

### **Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng**

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**

*(Ký, đóng dấu)*

**PHẦN THEO DÕI CHO VAY – THU NỢ - DƯ NỢ**  
(Kèm theo Hợp đồng tín dụng số: ..... ngày .../.../.....)

**1. PHẦN THEO DÕI GIẢI NGÂN**

*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Số tiền giải ngân	Dư nợ	Chữ ký	
			Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5

**2. PHẦN THEO DÕI ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ, GIA HẠN NỢ**

*Đơn vị: đồng*

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

**3. PHẦN THEO DÕI NỢ QUÁ HẠN, NỢ BỊ RỦI RO**

*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/ xóa nợ/ khoan nợ	Dư nợ quá hạn/ Tổng số tiền xóa nợ hoặc khoan nợ	Chữ ký kế toán
1	2	3	4	5

**4. PHẦN THEO DÕI DƯ NỢ, THU NỢ, THU LÃI<sup>4</sup>**

<sup>4</sup>. Đơn vị sử dụng Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay in ra từ hệ thống Intellect (in ra khi phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và đóng Nhật ký chứng từ khi khoản vay tắt toán).



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Số: ...../20.../HĐTD/PL...<sup>1</sup>

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ...../20...../HĐTD ngày ..... tháng .... năm ..... ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... và .....

Căn cứ hồ sơ vay vốn của .....

Hôm nay, ngày ..... tháng .... năm ....., tại Điểm giao dịch...../trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... chúng tôi gồm:

**I. Bên cho vay**

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
  - Địa chỉ:.....
  - Điện thoại: .....
  - Người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- (Theo văn bản ủy quyền số.....ngày .....của.....)

**II. Bên vay**

1. Họ và tên người vay: .....

- Ngày, tháng, năm sinh: .....
  - Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:.....
  - Ngày cấp.....nơi cấp.....
  - Địa chỉ thường trú: .....
  - Địa chỉ hiện tại:.....
  - Điện thoại liên hệ:.....
  - Tài khoản thanh toán số: ..... tại .....
- (Theo Giấy ủy quyền số.....ngày .....)

2. Thông tin người học:

Họ và tên người học:.....

- Ngày, tháng, năm sinh: .....
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Hộ chiếu số:.....
- Ngày cấp.....nơi cấp.....
- Tên cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....
- Hệ đào tạo:.....

<sup>1</sup> Phụ lục hợp đồng được đánh máy và in, TP KHNVTĐ hoặc Tổ trưởng KHNVTĐ ký nháy từng trang

- Ngành, lĩnh vực đào tạo: .....
- Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm): ...../.....
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng với một số điều khoản cụ thể sau đây:

### **Điều 1. Nội dung cho vay**

1. Số tiền duyệt cho vay bổ sung:.....đồng.  
(*Bằng chữ*.....)
2. Tổng số tiền duyệt cho vay sau khi cho vay bổ sung là:.....đồng.  
(*Bằng chữ*: .....
3. Mục đích sử dụng vốn vay: hỗ trợ trang trải chi phí học tập, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác năm học.....

### **Điều 2. Bảo đảm tiền vay<sup>2</sup>**

1. Bên vay cam kết thực hiện bảo đảm tiền vay, bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng này.

2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên cho vay với Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: (i) các Hợp đồng thế chấp tài sản; và (ii) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên.

### **Điều 3. Xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ<sup>3</sup>**

Căn cứ Điều 10 Hợp đồng tín dụng số ...../20...../HĐTD. Hai bên thống nhất thực hiện xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ như sau:

- Thời hạn cho vay sau điều chỉnh.....tháng.
- Hạn trả nợ cuối cùng sau điều chỉnh: Ngày.....tháng.....năm.....
- Kỳ hạn trả nợ sau điều chỉnh:
- + Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- + Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- + Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.
- .....

<sup>2</sup> Áp dụng đối với tổng số tiền duyệt cho vay ở khoản 2 Điều 1 Phụ lục Hợp đồng tín dụng này trên 500 triệu đồng. Trường hợp không có. NHCSXH nơi cho vay tự điều chỉnh cắt bỏ nội dung này cho phù hợp.

<sup>3</sup> Trường hợp tại kỳ giải ngân cuối cùng: Bên vay không nhận hết số tiền đã được phê duyệt, hoặc mức vay có sự thay đổi do tăng/giảm mức học phí, hoặc thời gian kết thúc khóa học có sự thay đổi căn cứ vào Thông tin phụ lục 2 năm học cuối cùng hoặc thời hạn cho vay được cộng thêm thời gian tại ngũ dẫn đến thay đổi về thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ, số tiền trả nợ.

**Điều 4. Thỏa thuận khác**

.....  
**Điều 5.** Những nội dung không quy định tại Phụ lục hợp đồng tín dụng này, hai bên thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số ...../20...../HĐTD.

**Điều 6.** Phụ lục hợp đồng tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số ...../20..../HĐTD ký ngày .... tháng .... năm .....

Phụ lục hợp đồng tín dụng này gồm ..... trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY**  
(Ký, đóng dấu)







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03/STEM  
Ngân hàng lập: 02 liên  
- 01 liên gửi khách hàng;  
- 01 liên lưu NH.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## THÔNG BÁO NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Kính gửi: Ông (Bà).....  
Địa chỉ .....

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH  
..... nhận được bộ hồ sơ đề nghị vay vốn chương trình tín dụng  
đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa  
học, công nghệ, kỹ thuật và toán của Ông (Bà).....

Trong thời gian sớm nhất, Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH  
..... sẽ liên hệ Ông (Bà) để trao đổi, rà soát, đối chiếu nhằm hoàn  
thiện hồ sơ vay vốn và hồ sơ bảo đảm tiền vay của Ông (Bà)<sup>1</sup>.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ với Chi nhánh/Phòng giao dịch  
NHCSXH..... tại địa chỉ .....,  
hoặc Ông (Bà)<sup>2</sup>: ....., chức vụ:.....,  
số điện thoại: .....

Trân trọng thông báo!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu)

<sup>1</sup> Bao gồm đề nghị khách hàng cung cấp hồ sơ bảo đảm tiền vay.

<sup>2</sup> Thông tin cán bộ được phân công thực hiện.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THÔNG BÁO  
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính gửi: Ông (Bà).....  
Địa chỉ .....

Ngày ... tháng ... năm ..., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... nhận được bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng như sau:<sup>1</sup>

- Đồng ý phê duyệt cho vay đối với khách hàng ..... vay vốn chương trình ..... số tiền .....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng đến địa chỉ ..... vào lúc ..... giờ.....phút, ngày ..... tháng ..... năm..... để thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

- Từ chối cho vay đối với khách hàng .... vay vốn chương trình ..... số tiền ..... vì những lý do sau: .....

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu)

<sup>1</sup> Căn cứ kết quả phê duyệt NHCSXH lựa chọn thông báo đồng ý hay từ chối cho vay.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY NHẬN NỢ**

Số: .....

Kèm theo Hợp đồng tín dụng số ...../20...../HĐTD ngày ..... tháng .... năm ..... ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... và .....

1. Họ và tên người vay: .....

- Ngày, tháng, năm sinh: .....

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước /Hộ chiếu số:.....

- Ngày cấp.....nơi cấp.....

- Địa chỉ cư trú:.....

- Điện thoại liên hệ:.....

2. Thông tin người học

- Họ và tên người học:.....

- Ngày, tháng, năm sinh: .....

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước /Hộ chiếu số:.....

- Ngày cấp.....nơi cấp.....

Tôi đồng ý nhận nợ với Ngân hàng Chính sách xã hội..... theo Hợp đồng tín dụng số ...../20...../HĐTD ngày ..... tháng .... năm ..... ký giữa Tôi và Ngân hàng Chính sách xã hội..... với các nội dung như sau:

1. Số tiền được phê duyệt cho vay: ..... đồng

2. Số tiền đã nhận nợ đến trước lần nhận nợ này: ..... đồng

3. Số tiền nhận nợ lần này:..... đồng (Bằng chữ: .....)

4. Tổng dư nợ sau lần nhận nợ:..... đồng (Bằng chữ: .....)

5. Ngày đề nghị giải ngân: ...../...../.....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích theo thỏa thuận với Ngân hàng; trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phù hợp với quy định tại Hợp đồng cho vay.

Giấy nhận nợ này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng cho vay. Giấy nhận nợ này được lập thành 02 bản gốc, Ngân hàng giữ 01 bản gốc, Bên vay giữ 01 bản gốc, các bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau.

**KHÁCH HÀNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG<sup>2</sup>**

(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Đóng dấu treo tại đây

<sup>2</sup> Tổ trưởng tổ giao dịch thừa ủy quyền của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký xác nhận (việc Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ủy quyền cho Tổ trưởng tổ giao dịch ký xác nhận phải được lập thành văn bản)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ**

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH

.....

Họ và tên khách hàng vay vốn:.....

Căn cước/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Đã vay tại Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH số tiền: .....  
(*Bằng chữ*:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày...../...../..... là.....đồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được là.....đồng.

Vì lý do:.....

Đề nghị Chi nhánh/ Phòng giao dịch NHCSXH.....cho phép kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... tháng.....năm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên.

.....ngày.....tháng....năm.....

**Khách hàng vay vốn**

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH**

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là.....

- Thời gian điều chỉnh đến ngày...../...../.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ  
TÍN DỤNG**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD  
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

**GIÁM ĐỐC**  
(*Ký, đóng dấu*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN<sup>1</sup>**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng số.../20.../HĐTD ngày.../.../20.... ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... với .....

- Căn cứ Tờ khai thông tin hằng năm theo quy định tại Quyết định...../2025/QĐ-TTg ngày.../.../20.... của Thủ tướng Chính phủ.

Khách hàng vay vốn: .....

Địa chỉ: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:....., ngày cấp: ....., nơi cấp: .....

Giấy ủy quyền (nếu có): số ..... ngày ...../...../..... của .....

- Số tiền được phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: ..... đồng

- Số tiền đã nhận nợ đến trước lần nhận nợ này: ..... đồng

Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội ..... giải ngân cho tôi số tiền:..... đồng.  
(Bằng chữ:.....).

- Mục đích sử dụng tiền vay: .....

- Hình thức giải ngân: Tiền mặt

Chuyển khoản<sup>2</sup>:

+ Tên chủ tài khoản thụ hưởng: .....

+ Số tài khoản:.....

+ Mở tại:.....

- Giấy đề nghị giải ngân này là phụ lục không tách rời của Hợp đồng tín dụng./.

....., ngày.....tháng.....năm .....

**KHÁCH HÀNG VAY VỐN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Khách hàng chỉ lập Giấy đề nghị giải ngân khi giải ngân cho các năm học tiếp theo.

<sup>2</sup> Trường hợp Bên vay có nhu cầu giải ngân vào nhiều tài khoản thụ hưởng khác nhau, thì liệt kê đầy đủ các tài khoản thụ hưởng đó trong Giấy đề nghị này.



## PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Mức vay được duyệt:.....đồng.
2. Đã giải ngân số tiền.....đồng.
3. Số tiền giải ngân lần này: .....đồng.
4. Mục đích: Hỗ trợ trang trải chi phí học tập, sinh hoạt năm học.....theo hình thức giải ngân<sup>3</sup> (*tiền mặt hoặc chuyển khoản*).....
5. Tổng số tiền đã giải ngân sau giải ngân lần này là.....đồng./  
....., ngày.....tháng.....năm .....

**Cán bộ tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp  
vụ tín dụng/ Tổ trưởng Kế  
hoạch – Nghiệp vụ<sup>4</sup>**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, đóng dấu)

---

<sup>3</sup>. Nếu hình thức giải ngân là chuyển khoản thì ghi rõ tên, số tài khoản, tại Ngân hàng...

<sup>4</sup>. Lựa chọn chức vụ phù hợp với NHCSXH nơi cho vay



....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## THÔNG BÁO

V/v xác định lại kỳ hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ

Kính gửi: Ông (Bà).....  
Địa chỉ .....

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số.....ký giữa NHCSXH .....và ông (bà).....

Căn cứ tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Quyết định số ...2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.....

Căn cứ Lệnh gọi nhập ngũ.....

Căn cứ Quyết định xuất ngũ.....

Thực hiện Điều 10 Hợp đồng tín dụng số ...../20.../HĐTD, NHCSXH ..... đã thực hiện xác định lại thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ cụ thể như sau:

- Thời hạn cho vay sau điều chỉnh.....tháng.

- Hạn trả nợ cuối cùng sau điều chỉnh: Ngày.....tháng.....năm.....

- Kỳ hạn trả nợ sau điều chỉnh:

+ Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

+ Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

+ Ngày ...../...../....., số tiền:..... đồng.

Nhận được thông báo này NHCSXH đề nghị ông (bà)..... thực hiện trả nợ theo thông báo nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu)

NHCSXH(tỉnh,TP)...  
PGD...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 14/STEM  
NH lập: 02 liên  
- 01 liên gửi KH;  
- 01 liên lưu NH.

....., ngày .....tháng.....năm.....

## THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: .....

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số .....ngày ..... tháng .... năm ..... giữa  
Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH.....  
.....với khách hàng vay vốn là: .....

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH .....  
xin thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn ngày.....tháng.....năm.....là.....đồng.
- Số tiền gốc đã trả.....đồng.
- Số tiền gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày ..... tháng .....  
năm .....là.....đồng.

(Bằng chữ: .....).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay tương ứng của các kỳ theo  
quy định.

Lý do chuyển nợ quá hạn: .....

.....  
.....

Yêu cầu khách hàng vay vốn là.....tìm mọi biện pháp  
sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nói trên cho Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng  
giao dịch NHCSXH...../.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký, đóng dấu)





Số: 29/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán để hỗ trợ trang trải học phí, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán quy định tại Quyết định này bao gồm các ngành, lĩnh vực đào tạo cụ thể sau: khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, kiến trúc và xây dựng, sản xuất và chế biến, toán và thống kê, công nghệ tài chính theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn liên quan; các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Đối tượng vay vốn**

Học sinh, sinh viên, học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam đang theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo quy định tại Quyết định này tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (sau đây gọi chung là người học).

## **Điều 4. Điều kiện vay vốn**

1. Học sinh, sinh viên phải tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật và đáp ứng điều kiện sau tại thời điểm Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định phê duyệt cho vay vốn theo quy định tại Quyết định này:

a) Đối với học sinh, sinh viên năm thứ nhất: Có đồng thời cả ba năm học trung học phổ thông được đánh giá kết quả học tập đạt từ mức khá trở lên theo quy định của pháp luật; hoặc đạt điểm trung bình môn năm lớp 12 của các môn toán, vật lý, hóa học, sinh học từ 8 điểm trở lên;

b) Đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi: Có kết quả học tập trung bình các môn học đạt loại giỏi trở lên theo quy định của pháp luật tại năm trước liền kề với năm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn.

2. Học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh được các cơ sở giáo dục đại học công nhận là học viên thạc sĩ, nghiên cứu sinh theo quy định của pháp luật.

3. Tại thời điểm đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quyết định này, xin xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Hằng năm, người học phải điền Tờ khai thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quyết định này, xin xác nhận của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội làm căn cứ để giải ngân vốn vay.

## **Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay**

Khách hàng vay vốn để trang trải học phí, sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán quy định tại Quyết định này.

## **Điều 6. Phương thức cho vay**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của người học là người đứng tên vay vốn và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp hộ gia đình không còn thành viên nào từ đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không có khả năng lao động hoặc không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, người học trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

## **Điều 7. Mức vốn cho vay**

1. Mức vốn cho vay tối đa đối với 01 người học để hỗ trợ trang trải tiền học phí, tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác trong thời gian còn lại của khóa học, bao gồm:

a) Toàn bộ tiền học phí phải đóng của người học (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường nếu có) theo xác nhận của nhà trường;

b) Tiền sinh hoạt phí và chi phí học tập khác tối đa là 5 triệu đồng/tháng.

2. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể đối với từng người học.

## **Điều 8. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

## **Điều 9. Đồng tiền cho vay và trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

## **Điều 10. Thời hạn cho vay**

1. Thời hạn cho vay bao gồm: thời hạn giải ngân vốn vay, thời gian kể từ ngày người học kết thúc khóa học đến khi bắt đầu trả khoản nợ vay đầu tiên và thời hạn trả nợ.

2. Thời hạn giải ngân vốn vay là khoảng thời gian tính từ ngày khách hàng vay vốn nhận khoản vay đầu tiên cho đến ngày người học kết thúc khóa học, kể cả thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có):

a) Thời hạn giải ngân vốn vay được chia thành các kỳ hạn giải ngân vốn vay do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hoặc thỏa thuận với khách hàng vay vốn;

b) Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân vốn vay trong thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có);

c) Trong thời hạn giải ngân vốn vay, khách hàng vay vốn chưa phải trả nợ gốc và lãi.

3. Kể từ ngày người học kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, khách hàng vay vốn phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

4. Thời hạn trả nợ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định, tối đa bằng thời hạn giải ngân vốn vay trừ đi thời gian người học được các trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập (nếu có). Thời hạn trả nợ được chia thành các kỳ hạn trả nợ với mức trả nợ mỗi kỳ do Ngân hàng Chính sách xã hội quyết định.

#### **Điều 11. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Trường hợp khách hàng vay vốn không trả được nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và có văn bản đề nghị gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định gia hạn nợ cho khách hàng vay vốn; thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định này.

2. Trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc không trả được nợ đúng hạn và không được chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc sử dụng không đúng mục đích hoặc số dư nợ gốc không trả đúng hạn của khách hàng vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn chi tiết việc gia hạn nợ và chuyển nợ quá hạn.

#### **Điều 12. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay**

1. Khách hàng vay vốn đến 500 triệu đồng/người học thì không phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay.

2. Khách hàng vay vốn trên 500 triệu đồng/người học thì phải thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay bằng tài sản theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

### **Điều 13. Nguồn vốn cho vay**

1. Nguồn vốn cho vay theo quy định tại Quyết định này bao gồm: Ngân sách trung ương cấp 50% nguồn vốn từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Chính sách xã hội đáp ứng 50% nguồn vốn từ nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro**

Việc phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản vay theo quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

### **Điều 15. Chế độ báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ hằng năm về kết quả thực hiện cho vay:

a) Cơ quan gửi báo cáo: Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Mẫu biểu báo cáo: Theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm;

đ) Thời gian chốt số liệu: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của năm báo cáo;

e) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau: Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy; gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy; gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng; các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài báo cáo định kỳ hằng năm tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo đột xuất kết quả thực hiện cho vay theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Hướng dẫn chi tiết về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, bảo đảm tiền vay và các nội dung liên quan khác, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật;

b) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, đủ điều kiện, đúng mục đích, rõ ràng, công khai và minh bạch; định kỳ chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan liên quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc vay vốn và khả năng thu hồi vốn vay;

c) Định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, những vấn đề rủi ro có thể phát sinh để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 15 Quyết định này;

đ) Báo cáo Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư công cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này;

e) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

## 2. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này và đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết);

b) Trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư công để cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn các cơ sở giáo dục phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện chính sách và tuyên truyền chính sách theo quy định tại Quyết định này.

## 4. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật để cho vay theo Quyết định này;

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ sở giáo dục trên địa bàn để tổ chức tuyên truyền và thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này;

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay theo quy định.

#### 5. Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

a) Thực hiện việc xác nhận cho người học tại Tờ khai thông tin theo mẫu tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Thông báo cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong trường hợp người học không tiếp tục theo học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán theo quy định tại Quyết định này sau khi được vay vốn;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức tuyên truyền và thực hiện chính sách theo quy định tại Quyết định này;

d) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng nhằm bảo đảm việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc vay vốn và khả năng thu hồi vốn vay.

6. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích, phải hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

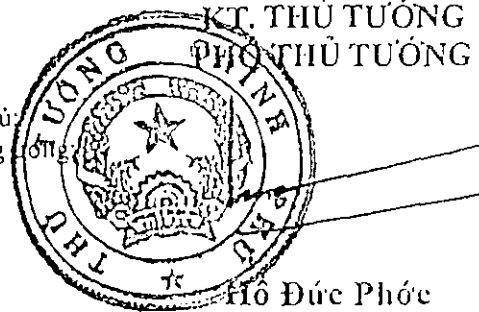
2. Trường hợp người học đồng thời thuộc đối tượng vay vốn và đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy định tại Quyết định này và quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) thì được lựa chọn áp dụng một trong hai cơ chế vay vốn theo nhu cầu.

3. Trường hợp khách hàng đang vay vốn theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), nếu thuộc đối tượng, đáp ứng đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn theo quy định tại Quyết định này thì được chuyển sang áp dụng cơ chế vay vốn theo quy định tại Quyết định này trong thời gian học còn lại mà không phải trả trước hạn khoản nợ vay theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M. Cường 70







Phụ lục I

**MẪU TỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ  
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN**

Kết theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg  
Ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THÔNG TIN TẠI THỜI ĐIỂM ĐỀ NGHỊ  
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHO VAY VỐN**

**1. Đối tượng vay vốn<sup>1</sup>**

Họ và tên học sinh sinh viên/Học viên thạc sỹ/nghiên cứu sinh:.....  
.....

Ngày sinh:...../...../.....Giới tính: Nam  Nữ

CCCD số: ..... ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp: .....

Tên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....

Hệ đào tạo (Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ...):.....

Ngành, lĩnh vực đào tạo:

- Khoa học sự sống
- Khoa học tự nhiên
- Máy tính và công nghệ thông tin
- Công nghệ kỹ thuật
- Kỹ thuật
- Kiến trúc và xây dựng
- Sản xuất và chế biến
- Toán và thống kê
- Công nghệ tài chính
- Các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật

Mã ngành:.....

Loại hình đào tạo:.....

<sup>1</sup> Căn cứ vào từng đối tượng cụ thể để điền thông tin cho phù hợp

Họ và tên học sinh sinh viên/Học viên thạc sỹ/nghiên cứu sinh:.....  
 Ngày nhập học (tháng/năm): ...../..... Đang học năm thứ:.....  
 Thời gian dự kiến ra trường (tháng/năm):...../.....  
 Thời gian học tại trường: ..... tháng.  
 Đơn vị công tác (nếu có):.....

## 2. Điều kiện vay vốn

a) Đối với HSSV năm nhất:

- Xếp loại học lực của 03 năm học THPT:

Lớp 10:..... Lớp 11:..... Lớp 12:.....

- Điểm trung bình năm lớp 12 THPT của các môn:

Toán:..... Vật lí:..... Hóa học:..... Sinh học:.....

b) Đối với HSSV từ năm hai trở đi:

- Điểm trung bình các môn của năm học liền kề trước:.....

- Xếp loại năm học liền kề trước:.....

## 3. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định:  
 .....đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền học bổng (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác (nếu có):.....đồng/tháng.

- Số tiền học phí còn phải đóng (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường).....đồng/tháng.

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI HỌC**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)



Phụ lục II

THÔNG TIN HÀNG NĂM CỦA NGƯỜI HỌC

theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg  
ngày 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THÔNG TIN HÀNG NĂM

1. Thông tin người học

Họ và tên:.....

Ngày sinh:...../...../.....Giới tính: Nam  Nữ

CCCD số: ..... ngày cấp ...../...../..... Nơi cấp: .....

Tên cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang theo học:.....

Có thay đổi ngành, lĩnh vực đào tạo so với năm trước không?  Có  Không

Nếu có, ngành, lĩnh vực đào tạo thay đổi có thuộc một trong các ngành, lĩnh vực đào tạo STEM<sup>1</sup> hay không?  Có  Không

Nêu rõ ngành và mã ngành:.....

Thời gian đã học tại trường: ..... tháng. Thời gian được trường cho phép nghỉ học tạm thời và được bảo lưu kết quả học tập.....(tháng (nếu có).

Đơn vị công tác (nếu có):.....

2. Học phí và các khoản hỗ trợ tại trường

- Số tiền học phí trong thời gian còn lại của khoá học theo quy định: .....đồng/tháng.

- Số tiền hỗ trợ tài chính của nhà trường:.....đồng/tháng.

- Số tiền học bổng:.....đồng/tháng.

- Số tiền miễn giảm khác.....đồng/tháng.

- Số tiền học phí còn phải đóng (sau khi trừ các khoản học bổng và hỗ trợ tài chính khác của nhà trường).....đồng/tháng.

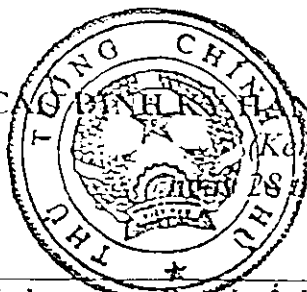
....., ngày .... tháng ..... năm .....

NGƯỜI HỌC  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng ..... năm .....

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

<sup>1</sup> Một trong các ngành, lĩnh vực đào tạo sau: Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Máy tính và công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Kiến trúc và xây dựng; Sản xuất và chế biến; Toán và thống kê; Công nghệ tài chính; Các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật.



**Phụ lục III**  
**MẪU BÁO CÁO ĐÓNG NĂM KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHO VAY CHƯƠNG TRÌNH**  
(Kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg  
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Phân loại	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		Dư nợ				Khách hàng		
		Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Trong kỳ báo cáo	Lũy kế từ khi thực hiện chương trình	Tổng dư nợ	Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Số khách hàng còn dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn trong kỳ báo cáo	Lũy kế số lượt khách hàng vay vốn từ khi thực hiện chương trình
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	<b>PHÂN LOẠI THEO KHỐI NGÀNH HỌC</b>													
1	Khoa học sự sống													
2	Khoa học tự nhiên													
3	Toán và thống kê													
4	Máy tính và công nghệ thông tin													
5	Công nghệ kỹ thuật													
6	Kỹ thuật													
7	Kiến trúc và xây dựng													
8	Sản xuất và chế biến													

9	Công nghệ tài chính													
10	Các ngành đào tạo công nghệ then chốt khác theo quy định của pháp luật													
	Tổng cộng													
II	PHÂN LOẠI THEO CẤP HỌC													
1	Tiến sĩ													
2	Thạc sĩ													
3	Đại học													
4	Cao đẳng													
5	Trung cấp													
6	Giáo dục nghề nghiệp khác													
	Tổng cộng													